

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc hỗ trợ đầu tư, phát triển cụm công nghiệp  
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 12 tháng 6 năm 2017;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính  
phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.*

*Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2018 về việc đề  
nghị ban hành Nghị quyết về Phê duyệt Chương trình hỗ trợ đầu tư, phát triển  
cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2021, Báo cáo số  
328/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 tiếp thu Kết luận của Chủ tịch  
HĐND tỉnh và ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc phê  
duyet Chương trình trình hỗ trợ đầu tư, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn  
tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2019-2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân  
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân  
tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Hỗ trợ đầu tư, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh  
Vĩnh Phúc giai đoạn 2019 - 2021 như sau:**

1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, điều kiện, đối tượng, nội dung, mức  
hỗ trợ, đầu tư phát triển cụm công nghiệp và đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong  
cụm công nghiệp, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp  
luật Việt Nam thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống công trình  
hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (đơn vị kinh doanh hạ tầng).

b) Các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật; thực hiện  
đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp (cơ sở sản xuất kinh doanh).

c) Các cơ quan đơn vị và tổ chức cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### 3. Điều kiện, nguyên tắc thực hiện cơ chế chính sách.

a) Nghị quyết hỗ trợ đơn vị đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp đối với các cụm công nghiệp đang đầu tư dở dang, chưa hoàn thành và các cụm công nghiệp thực hiện đầu tư mới.

b) Ngân sách tỉnh hỗ trợ trực tiếp, mỗi nội dung một lần cho các đơn vị kinh doanh hạ tầng, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp. Đơn vị đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ sau khi thực hiện hoàn thành nội dung hạng mục được quy định hỗ trợ.

c) Trường hợp các nội dung đã được ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ từ các nghị quyết, chương trình, kế hoạch mục tiêu khác thì không được hỗ trợ theo nội dung trùng với nghị quyết này.

d) Đơn vị được hỗ trợ từ ngân sách phải sử dụng đúng mục đích, chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh toán, quyết toán số vốn theo quy định hiện hành.

đ) Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện khi các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng thực hiện đúng các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

### 4. Nội dung các cơ chế chính sách hỗ trợ và giải pháp thực hiện.

#### a) Các cơ chế chính sách hỗ trợ.

Đối với đơn vị kinh doanh hạ tầng khi thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác hạ tầng cụm công nghiệp:

Hỗ trợ 100% kinh phí: Lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp; lập dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật; rà, phá bom, mìn trong cụm công nghiệp.

Hỗ trợ 700 triệu đồng/ha vốn thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng (tính chung cho cả vùng đồng bằng, vùng núi), tối đa không quá 20 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

Hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống điện phục vụ cụm công nghiệp (hệ thống điện trong hàng rào cụm công nghiệp) theo đơn giá quy định Nhà nước cụ thể: Đối với khu vực huyện miền núi (huyện Sông Lô, huyện Lập Thạch; các xã miền núi thuộc huyện Tam Đảo và huyện Bình Xuyên): Cụm công nghiệp có diện tích dưới 15ha không quá 07 tỷ đồng/cụm; cụm công nghiệp có diện tích từ 15ha - 25ha không quá 10 tỷ đồng/cụm; cụm công nghiệp có diện tích trên 25ha không quá 15 tỷ đồng/cụm. Đối với khu vực còn lại (không phải miền núi): Cụm công nghiệp có diện tích từ 10ha - dưới 15ha không quá 05 tỷ đồng/cụm; cụm công nghiệp có diện tích từ 15ha - 25ha không quá 07 tỷ đồng/cụm; cụm công nghiệp có diện tích trên 25 ha không quá 10 tỷ đồng/cụm.

Hỗ trợ 30% kinh phí xây dựng Nhà điều hành, quản lý cụm công nghiệp, theo đơn giá xây dựng Nhà nước, tối đa 01 tỷ đồng/cụm.

Hỗ trợ 10% giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, thành lập theo quy định pháp luật, được đầu tư bằng 100% vốn của doanh nghiệp trong nước đầu tư trong cụm công nghiệp, thời gian hỗ trợ 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng; mức hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/01 doanh nghiệp. Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng thực hiện thông qua chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

b) Về nguồn vốn và phân kỳ thực hiện: Năm 2019 hỗ trợ 03 cụm công nghiệp, với tổng vốn 40 tỷ đồng; năm 2020 hỗ trợ 04 cụm công nghiệp, tổng vốn hỗ trợ 50 tỷ đồng; năm 2021 hỗ trợ 02 cụm công nghiệp, tổng vốn hỗ trợ 60 tỷ đồng.

5. Kinh phí triển khai thực hiện: Nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

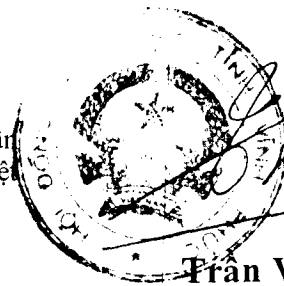
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khoá XVI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. /

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc, Công Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc;
- CPVP, CV Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, TH(01).C(100).

**CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vinh**